

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 04 – 10 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Minh và ông Rmah In

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Văn C (tên gọi khác: Nh), sinh ngày 02 tháng 7 năm 1999 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trú tại: thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam.; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Th (đã chết) và bà Hà Thị Tr, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Phương L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị hại: Ông Y S Niê, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị Cẩm V, sinh năm 1977 (có mặt)

Đồng trú tại: Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Hà Thanh Đ, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Niê H D (H D Niê), sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- *Người làm chứng:*

+ Ông Y B, sinh năm 1955 (có mặt)

+ Chị H Đ Niê, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Đồng trú tại: Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- *Người giám hộ cho chị H Đ Niê:* Ông Y S Niê, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị Cẩm V, sinh năm 1977 (có mặt)

Đồng trú tại: Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/4/2018, Hà Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K – 010.62 chở theo T (tên thường gọi: I) đi đến Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đổ xăng. Trong lúc đang đổ xăng thì C nhìn sang thấy gia đình ông Y S Niê đi khỏi nhà nên C nảy sinh ý định đột nhập vào nhà ông Y S trộm cắp tài sản để có tiền tiêu dùng vào mục đích cá nhân. C chở T đến cách nhà ông Y S khoảng 200m thì dừng xe lại và rủ T đột nhập vào nhà ông Y S để trộm cắp tài sản, T nói “để lúc khác” thì C nói: “đi bây giờ luôn đi”, T đồng ý. Sau đó C gửi xe ở quán bi da Song Mã rồi cùng T đi vòng ra phía sau nhà ông Y S, thấy cửa sổ sau nhà ông Y S mở, chỉ có khung sắt bảo vệ bên trong nên C dùng một cây gỗ tròn, dài 2,5cm, đường kính 10cm bẩy gãy khung sắt cửa sổ cho T chui vào nhà, sau đó T mở cửa bên hông cho C vào. Khi vào trong nhà, C phát hiện có 02 máy laptop để trên bộ phản gỗ, C lấy mang sang vườn tiêu nhà bên cạnh để cất giấu, rồi quay lại vào nhà ông Y S thì T nói với C “có kết sắt”, C đỡ kết sắt lên cho T vác ra vườn tiêu sau nhà bà H D Niê. Tại đây, C lấy xẻng trong vườn tiêu đập vài cái vào cửa kết sắt nhưng không mở được nên C và T bỏ đi. C dùng xe moto chở T mang 02 máy laptop đi theo hướng thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đến ngã ba đường bê tông, C giấu 02 máy vi tính xách tay vào bụi cỏ bên đường rồi về nhà ngủ.

Ngày 19/4/2018, Cơ quan Công an huyện Krông Bông khám nghiệm hiện trường, thu giữ 01 két sắt bị móp, méo cùng một số tài sản bên trong. C được triệu tập lên làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời chỉ chỗ cất giấu 02 máy laptop. Bị can T sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã ra quyết định truy nã đồng thời ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với bị can T để giải quyết sau.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:

- 01 máy laptop hiệu ASUS và 01 máy laptop hiệu FUJITSU; 01 két sắt màu xanh nhãn hiệu VIET NHAT COMPANY. Trong két sắt có 35.000.000 đồng tiền mặt, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhẫn trơn); 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (và tài sản gắn liền với đất) số AI 469380; số M 824906; số O 353659; số AM 089552; số BS 660410; số CE 298460; số BS 660356.

Ngày 04/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại các vật chứng trên cho bị hại Y S Niê và Huỳnh Thị Cẩm V.

- Hà Văn C đã tự nguyện giao nộp xe 01 xe mô tô loại WAVE S màu đỏ đen có biển kiểm soát 47K1 – 010.62 là xe của anh Hà Thanh Đ cho C mượn để đi. Đ không biết việc C sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp.

Ngày 04/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại xe mô tô nói trên cho anh Hà Thanh Đ.

- 01 cây gỗ dài 2,5cm, có đường kính 10cm; 01 cái xẻng dài 1,2m trong đó lưỡi xẻng dài 42 cm và cán gỗ dài 78cm;

Tại bản kết luận định giá số 13/BB-HĐ ngày 08/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Bông kết luận: 01 két sắt màu xanh nhãn hiệu VIET NHAT COMPANY; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 96,51% , trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhẫn trơn) loại vàng 99,83%, trọng lượng 01 chỉ; 01 máy laptop hiệu ASUS và 01 máy laptop hiệu FUJITSU; có tổng trị giá là 18.240.000đ (*mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*).

Ngoài ra trong két sắt còn có 35.000.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản mà Hà Văn C và T đã chiếm đoạt là 53.240.000 (*năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 29/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Hà Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hà Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 29/8/2018, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn C mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm: 02 máy laptop, 01 két sắt, 35.000.000 đồng tiền mặt, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng, 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị hại Y S Niê, Huỳnh Thị Cẩm V và trả lại cho anh Hà Thanh Đ xe mô tô biển kiểm soát 47K1-010.62.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ dài 2,5cm, có đường kính 10cm; 01 cái xẻng dài 1,2m trong đó lưỡi xẻng dài 42 cm và cán gỗ dài 78cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận 2.300.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

Về hình phạt: Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội có ý định đi tự thú nhưng đang trên đường đi thì bị bắt. Bị cáo bột phát nảy sinh ý định phạm tội, không có sự bàn bạc từ trước. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị

hại. Mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo thấp hơn mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- Ý kiến tranh luận của người bị hại: Người bị hại đã nhận lại các tài sản bị mất và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại 2000.000 đồng về chiếc két sắt bị hư hỏng và 300.000 đồng để sửa chữa khung sắt cửa sổ. Bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự.

Về phần hình phạt đối với bị cáo: các bị hại đồng ý với mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Thanh Đ đã nhận lại xe mô tô, anh cũng là người thay mặt gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Anh không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác được thu thập trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, thể hiện:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/4/2018, tại buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Hà Văn C và T bẫy cửa sổ đột nhập vào nhà ông Y S Niê trộm cắp

01 máy laptop hiệu ASUS, 01 máy laptop hiệu FUJITSU. Ngoài ra bị cáo và T còn vác trộm 01 két sắt màu xanh mang sang vườn nhà bà H D Niê và dùng xẻng cạy cửa két sắt để lấy tài sản nhưng không mở được, làm móp méo két sắt nên cả hai bỏ đi và dùng xe mô tô biển kiểm soát 47K – 010.62 mang hai máy laptop đi theo hướng thôn E, xã C, huyện K cất giấu tại bụi cỏ gần ngã ba đường bê tông. Tài sản chiếm đoạt được gồm 01 máy laptop hiệu ASUS, 01 máy laptop hiệu FUJISUT và 01 két sắt trong đó có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 96,51% trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhẫn tròn) loại vàng 99,83%, trọng lượng 01 chỉ có tổng trị giá được định giá là 18.240.000 đồng. Ngoài ra trong két sắt còn có 35.000.000 đồng tiền mặt và 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (và tài sản gắn liền với đất). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 53.240.000 đồng (năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Do vậy, hành vi của bị cáo Hà Văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

Xét thấy bị cáo có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật để nhận thức được việc làm của mình nhưng do bản tính tham lam, lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ từ thành quả lao động của người khác nên bị cáo lợi dụng lúc chủ sở hữu vắng nhà đã cùng T lén lút cạy khung cửa sắt đột nhập vào nhà ông Y S Niê thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 53.240.000 đồng (năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật tố tụng hình sự.

T đã bỏ trốn và đang bị truy nã, cơ quan có thẩm quyền đã tách hành vi của T để giải quyết riêng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do

đó, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đến hành vi của bị cáo Hà Văn C.

Hành vi của bị cáo Hà Văn C có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê T đi trộm cắp tài sản, T nói “để lúc khác” nhưng bị cáo vẫn xúi giục T “đi hôm nay luôn”. Bị cáo trực tiếp thực hiện tội phạm một cách tích cực: dùng cây gỗ bẫy gãy khung sắt cửa sổ cho T chui vào nhà, bị cáo mang hai máy laptop ra vườn nhà bên cạnh để giấu, khi nghe T nói “có kết sắt”, bị cáo đỡ kết sắt lên cho T vác ra vườn tiêu sau giấu đó dùng xẻng đập vài cái vào cửa kết sắt làm hư hỏng kết. Bị cáo dùng xe chở T đi và trực tiếp cất giấu 02 máy laptop trên. Xét thấy hành vi của bị cáo là người chủ mưu, rủ rê, xúi giục và là người thực hiện tội phạm với vai trò chính trong vụ án nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối mới đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên giữa bị cáo và T không có sự bàn bạc từ trước nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

[3] Xét về nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là lần đầu bị cáo phạm tội. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) để bồi thường kết sắt và sửa chữa lại khung sắt của sổ. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có từ 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên HĐXX cần xem xét áp dụng cho bị cáo khoản 1 Điều 54 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của Pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Cần công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả 01 máy laptop hiệu ASUS và 01 máy laptop hiệu FUJITSU; 01 kết sắt trong đó có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 96,51% , trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhẫn tròn) loại vàng 99,83%, trọng lượng 01 chỉ và 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người bị hại Y S Niê .

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47K1-010.62 hiệu Honda; loại Waves màu đỏ đen là xe của anh Hà Thanh Đ, bị cáo mượn xe của anh Đ làm phương tiện trộm

cấp tài sản thì anh Đ không biết nên Cơ quan Công an huyện Krông Bông đã trả lại xe mô tô trên cho anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ dài 2,5cm, có đường kính 10cm; 01 cái xẻng dài 1,2m trong đó lưỡi xẻng dài 42 cm và cán gỗ dài 78cm.

Về trách nhiệm dân sự: Cần công nhận việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường kết sắt bị hư hỏng và 300.000 đồng để sửa chữa lại khung sắt cửa sổ.

Bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ nên cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[6] Xét đề nghị của Người bào chữa: cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn do đó nhận thức pháp luật hạn chế nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Hà Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả 01 máy laptop hiệu ASUS và 01 máy laptop hiệu FUJITSU; 01 kết sắt trong đó có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 96,51% , trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhẫn tròn) loại vàng 99,83%, trọng lượng 01 chỉ và 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 469380; số M 824906; số O 353659; số AM 089552; số BS 660410; số CE 298460; số BS 660356 cho người bị

hại Y S Niê .

Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47K1-010.62 hiệu Honda; loại Waves màu đỏ đen cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hà Thanh Đ;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ dài 2,5cm có đường kính 10cm; 01 cái xẻng dài 1,2m lưỡi xẻng dài 42 cm và có cán gỗ dài 78cm.

Vật chứng trên hiện đang được cất giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Về trách nhiệm dân sự: công nhận việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường kết sắt bị hư hỏng và 300.000 đồng để sửa chữa lại khung sắt cửa sổ.

Bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí hình sự sơ thẩm nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND huyện Krông Bông ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- Phòng PV27 ;
- CA huyện Krông Bông ;
- THAHS huyện Krông Bông ;
- Chi cục THADS huyện Krông Bông ;
- Bị cáo ;
- Người bào chữa ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Tâm